TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5- AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **04**/2026/HNGĐ-ST*
Ngày: 08/01/2026
V/v:"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Trương Thanh Tuấn**;
2. Bà **Trần Thị Mộng Tưởng**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Thanh Nhã**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Chí N**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Ấp A, phường L, tỉnh Cà Mau.

(Anh N có đơn xin vắng mặt)

Người đại diện giao, nhận tài liệu cho nguyên đơn: Ông Trần Thanh K, sinh năm 1989 (theo văn bản ủy quyền ngày 26/6/2025)

Địa chỉ: Ấp B, xã H, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị Thảo N1**, sinh năm 2005

Địa chỉ: Ấp V, xã N, tỉnh An Giang.

(Chị N1 có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/7/2025 nguyên đơn anh Lê Chí N trình bày: Vào năm 2021 anh và chị N1 cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 21/02/2024.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về

tính tình và cách sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung và vợ chồng không còn hạnh phúc nữa và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau.

Nay anh xét thấy không còn tình cảm với chị N1 nữa nên quyết định ly hôn với chị N1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị N1 có 01 con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 19/8/2021 hiện nay đang sống cùng chị N1.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không có tạo lập được tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Lê Chí N yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với chị Huỳnh Thị Thảo N1

- *Về con chung:* Đồng ý giao con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 19/8/2021 cho chị N1 chăm sóc, nuôi dưỡng và sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Thảo N1 trình bày tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt cùng ngày 01/12/2025 như sau: Chị N1 thống nhất theo ý kiến trình bày của anh N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay anh N yêu cầu xin ly hôn với chị thì ý kiến chị như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Lê Chí N

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 19/8/2021 và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa anh N và chị N1 đều vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh N khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn chị N1 có địa chỉ ấp V, xã N, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 5- An Giang đã triệu tập hợp lệ anh N và chị N1 tham gia phiên tòa nhưng các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng anh N và chị N1 là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh N và chị N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2024 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2025 anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo anh N nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống và thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về tính tình và cách sống dẫn đến vợ chồng không còn tiếng nói chung và vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Thực tế vợ chồng anh đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian từ năm 2025 cho đến nay và vấn đề này cũng được chị N1 xác nhận đồng thời chị N1 cũng đồng ý ly hôn với anh N. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N và chị N1 đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N1 để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N, xử cho anh N được ly hôn chị N1 là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh N và chị N1 cùng xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 19/8/2021. HĐXX xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay cháu H sống cùng chị N1 và chị N1 cũng có yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H đồng thời anh N cũng đồng ý. Do đó, cần tiếp tục giao cháu H cho chị N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N1 xác định không yêu cầu anh N cấp dưỡng mặc dù chị N1 đã được Tòa án đã giải thích về quyền, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, xét thấy việc chị N1 không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh N xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời cũng phù hợp theo ý kiến trình bày của chị N1 tại bản tự khai ngày 01/12/2025. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Anh N xác nhận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết đồng thời cũng phù hợp theo ý kiến trình bày của chị N1 tại bản tự khai ngày 01/12/2025 nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Chí N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Chí N và chị Huỳnh Thị Thảo N1.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh N và chị N1 là giao con chung tên Lê Huỳnh Gia H, sinh ngày 19/8/2021 cho chị N1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh N và chị N1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh N và chị N1 xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh N phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0002648 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang; Anh N không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 5- An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hoà Hưng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lữ Cẩm Nhung